

Bản án số: 56/2020/DS-ST
Ngày: 12-11-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Trần Phúc

Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về: tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tố Ng , sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 10, hẻm 10, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Lương Kim Ph, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 4, thị trấn C, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh.

Bà Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Ph vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Ng trình bày:

Bà cho bà Lương Kim Ph vay các khoản tiền nhiều lần khác nhau, cụ thể:

- Ngày 23/7/2018 vay 15.000.000 đồng

- Ngày 17/8/2018 vay 10.000.000 đồng

- Ngày 22/9/2018 vay 15.000.000 đồng

Đến ngày 10/01/2019 bà Ph có viết cho bà giấy cam kết trả nợ với số tiền 40.000.000 đồng, có chị Dương Thị Hà chứng kiến hẹn đến ngày 23/4/2019 trả nợ nhưng không trả.

Ngày 24/8/2019 bà Ph tiếp tục viết giấy cam kết trả nợ cho bà nhưng không thực hiện theo đúng thỏa thuận, không trả nợ cho bà. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất miệng với nhau là 3%/tháng. Bà Ph chỉ trả lãi được cho bà số tiền 2.600.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Ph trả cho bà số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/8/2019 cho đến khi xét xử, tính tròn 14 tháng với lãi suất 1.67%/tháng .

Bà Ng chỉ yêu cầu bà Ph trả tiền, không yêu cầu chồng bà Ph cùng trả.

Bà Lương Kim Ph không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ph trả cho bà Ng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và lãi suất 1.67%/tháng với thời gian từ ngày 24/8/2019 đến ngày đưa vụ án ra xét xử. Ghi nhận bà Ng không yêu cầu chồng của bà Ph liên đới cùng trả nợ. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tố Ng, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lương Kim Ph đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà không đến Tòa án. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph. Riêng bà Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng.

Về nội dung vụ án:

[3] Đối với số nợ gốc: Bà Ng cung cấp 02 giấy cam kết trả nợ ngày 10/01/2019 và ngày 24/8/2019 với nội dung bà Ph mượn số tiền 40.000.000 đồng gốc, chưa trả lãi, thời hạn hứa trả nợ lần cuối là đến hết tuần sau tính từ ngày 24/8/2019. Giấy cam kết ngày 10/01/2019 có người làm chứng ký tên. Quá trình Tòa án xác minh, người làm chứng cũng xác định ngày 10/01/2019 bà Ph đã viết giấy cam kết trả nợ và ký tên, ghi họ tên vào giấy. Theo kết quả giám định số 1249/KL-KTHS ngày 14/9/2020 chữ viết Lương Kim Ph trong giấy cam kết trả nợ ngày 10/01/2019 với chữ viết tên Lương Kim Ph trên tài liệu mẫu là

do cùng một người viết ra. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc vay số tiền 40.000.000 đồng giữa bà Ng và bà Ph là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Bà Ng trình bày bà Ph chưa trả tiền gốc cho bà, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận của các bên.

[4] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập làm việc; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà Ph không đến Tòa án, cũng như không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự bà Ph có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nếu bà không đưa ra chứng cứ để chứng minh việc trả nợ và các nội dung liên quan khác thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng. Ghi nhận bà Ng không yêu cầu chồng bà Ph cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Các bên thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng tương đương 36%/năm là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, bà Ng thừa nhận chỉ nhận được tiền lãi 2.600.000 đồng thì không vượt mức quy định nên không xem xét cản trừ lãi đã nhận vào tiền gốc. Nay bà Ng yêu cầu tính lãi từ ngày 24/8/2019 đến ngày xét xử, tính tròn 14 tháng, lãi suất 1.67%/tháng đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng xét thấy là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận, tiền lãi tính cụ thể như sau: $40.000.000 \text{ đồng} \times 1.67\% \times 14 \text{ tháng} = 9.352.000 \text{ đồng}$.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Kim Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Ng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Bà Lương Kim Ph phải chịu chi phí giám định số tiền 2.040.000 đồng theo quy định tại Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà Ng đã nộp tạm ứng chi phí giám định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Bà Ph có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tố Ng tiền chi phí giám định là 2.040.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, 227, 228, 161 và Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều **463, 466, 468, 470** Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Tố Ng đối với bà Lương Kim Ph.

Buộc bà Lương Kim Ph có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tố Ng số tiền tổng cộng là 49.352.000 đồng (Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 9.352.000 đồng.

Ghi nhận bà Ng không yêu cầu chồng bà Ph cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: bà Lương Kim Ph phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.467.500 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Tố Ng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006754 ngày 21/02/2020 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về chi phí tố tụng khác: Bà Lương Kim Ph phải chịu chi phí giám định số tiền 2.040.000 đồng. Do bà Ng đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên Bà Lương Kim Ph có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tố Ng tiền chi phí giám định là 2.040.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu

